

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hà.

2. Bà Mai Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: SN 197, Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Thế K, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022, bản tự khai ngày 22/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Thế K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống thì anh K không chuyên tâm chăm lo xây dựng gia đình, chơi bời, nợ nần, tiền lương không đưa cho vợ nuôi con, thỉnh thoảng còn uống rượu rồi chửi bới vợ. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua, nhưng anh K không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 3/2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Mai Thị Tú A sinh ngày 17/7/2019. Sau khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2022 và tại phiên hòa giải, bị đơn Mai Thế K trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh. Trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Vợ chồng ở chung với bố mẹ, không thiếu thốn gì nên tiền lương có tháng anh đưa cho vợ, có tháng thì không đưa nhưng cũng chỉ đủ chi tiêu cho cá nhân. Bản thân anh không đánh chửi vợ, duy chỉ có một lần do bức xúc nên anh nói câu cửa miệng đuổi vợ đi. Tháng 3/2022 chị D tự động bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh vẫn thường xuyên chăm nom, quan tâm đến vợ con. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, anh muốn con có một gia đình hạnh phúc, nên anh không đồng ý ly hôn chị D.

Về con: Vợ chồng có một con chung như chị D trình bày. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa lần thứ nhất anh K vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh K, còn nguyên đơn Trương Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D, cho chị D được ly hôn anh Mai Thế K; về con: giao cháu Mai Thị Tú A, sinh ngày 17/7/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:**

Chị Trương Thị D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Mai Thế K. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Mai Thế K vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh K.

**\* Về nội dung giải quyết:**

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Mai Thế K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, nhưng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do anh K không chuyên tâm chăm lo xây dựng gia đình, chơi bời, nợ nần, tiền lương không đưa cho vợ nuôi con, thỉnh thoảng còn uống rượu rồi chửi bới vợ; còn theo anh K trình bày thì trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình. Theo xác minh tại địa phương, thì thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh K, chị D chung sống bình thường, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K chơi bời, cá độ trên mạng, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Hiện tại chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn N sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3/2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân theo anh K trình bày thì anh vẫn luôn quan tâm, chăm sóc vợ con, còn theo chị D trình bày thì vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị D không muốn trở về chung sống cùng với anh K và tha thiết yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Thị Tú A sinh ngày 17/7/2019. Hai bên đương sự đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Tú A đang ở cùng với mẹ, cháu vẫn còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Tú A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị D không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị D và anh K đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D, cho chị D được ly hôn anh Mai Thế K.

2. Về con: Giao cháu Mai Thị Tú A sinh ngày 17/7/2019 cho chị Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mai Thế K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0015076 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, chị D đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Thế K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**